

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15/5/2024

V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ánh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Ứng Cường

2. Ông Nguyễn Văn Kiện

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Kiều Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023, về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Kim T**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 4, ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Ngô Trường H**, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Chị T và anh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện ngày 13/10/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Kim T trình bày:**

Vào năm 2018, chị và anh Ngô Trường H tiến đến hôn nhân, hai bên có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2018.

Trong thời gian chung sống chị và anh Ngô Trường H không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung. Quá trình chung sống thời gian đầu

vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng khoảng vài tháng sau khi kết hôn vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên chị và anh H đã ly thân cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Trường H

Về con chung: Không có, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Kim T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Chị Phạm Thị Kim T cam kết trong quá trình chung sống, vợ chồng chị không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 04/01/2024, bị đơn anh Ngô Trường H trình bày:

Vào năm 2018, anh và chị Phạm Thị Kim T tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống anh và chị T không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên anh và chị T đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và chị Phạm Thị Kim T xin ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị Kim T

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Phạm Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Ngô Trường H đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh Ngô Trường H cư trú tại ấp A, xã B, huyện C nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Châu Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, chị Phạm Thị Kim T và anh Ngô Trường Hên có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt, căn cứ

vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2018, chị Phạm Thị Kim T và anh Ngô Trường H tiến đến hôn nhân, hai bên có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2018, do đó quan hệ hôn nhân chị T và anh H là hợp pháp. Tuy nhiên chị T cho rằng chị và anh H chung sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc nên anh chị đã ly thân với nhau, hiện nay chị không còn tình cảm với anh H nên chị khởi kiện và yêu cầu được ly hôn. Mặc khác trong quá trình giải quyết vụ án anh Ngô Trường H cũng thống nhất ly hôn cùng với chị T.

Từ đó cho thấy, vợ chồng giữa chị T và anh H không khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Kim T và anh Ngô Trường H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 55, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Kim T và anh Ngô Trường H.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Kim T và anh Ngô Trường H xác nhận không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001032 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ánh Tuyết